

Số: 51/2020/QĐST-DS

Thủy Nguyên, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng ;

Trụ sở: Số 108, THD, phường C, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Lê Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ngân hàng .

Ông Đỗ Mạnh Q – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Kiến An, Ngân hàng là người đại diện theo ủy Q (Văn bản ủy Q số 922/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q; địa chỉ: Khu Quyết T, thị trấn MĐ, huyện TN, thành phố H Phòng.

- *Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Khu Quyết T, thị trấn MĐ, huyện TN, thành phố H Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q pH trả cho Ngân hàng tổng số tiền của các Hợp đồng tín dụng theo các Hợp đồng tín dụng số 01-PVT/2016-HĐTD/NHCT169 ngày 18/03/2016, 03-PVT/2017-HĐCVTL/NHCT169 ngày 29/03/2017, Hợp đồng tín dụng số 05-PVT/2017-HĐCVTL/NHCT169 ngày 16/05/2017, Hợp đồng tín dụng số 12.01-PVT/2017-

HĐCV/NHCT169 ngày 22/12/2017, Hợp đồng tín dụng số 12.02-PVT/2017-HĐCV/NHCT169 ngày 22/12/2017, Hợp đồng tín dụng số 01-PVT/2018-HĐCV/NHCT169 ngày 11/09/2018, Hợp đồng tín dụng số 03-PVT/2017-HĐCVTL/NHCT169 ngày 29/03/2017, tính đến ngày 17/12/2020 là 1.647.872.250 đồng (bao gồm tiền nợ gốc 1.413.881.370; tiền nợ lãi trong hạn 152.571.668 đồng; tiền nợ lãi chậm trả 11.223.976 đồng và nợ thẻ tín dụng 70.195.236 đồng).

1.2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng pH phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Phương án trả nợ: Chậm nhất đến ngày 31/12/2020, ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q pH trả cho Ngân hàng 200.000.000 đồng vào khoản nợ của ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q tại Ngân hàng. Bắt đầu từ tháng 01/2021, mỗi tháng ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q pH trả 50.000.000 đồng vào khoản nợ của ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q tại Ngân hàng, chậm nhất đến ngày 30/6/2021, ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q pH thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng.

2. Trường hợp ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có Q yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm Q phát mại tài sản đảm bảo sau:

- 01 xe tải tự đồ mới 100%, sản xuất tại Việt Nam, màu sơn: Xanh; nhãn hiệu: TRUONG GIANG; số loại: DFM mang biển số: 15C-190.23; số máy: 3E37E3F02348; số khung: 51D4GCN00112, đăng ký xe ô tô số 027786 do Phòng cảnh sát giao thông, công an thành phố H Phòng cấp ngày 04/03/2016 mang tên chủ xe là PHẠM VĂN T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 169029-PVT-2016 ngày 17/03/2016);

- 01 xe tải tự đồ mới 100%, sản xuất tại Việt Nam, màu sơn: Xanh; nhãn hiệu: TRUONG GIANG; số loại: DFM mang biển số: 15C-195.96; số máy: 3E37E3F02305; số khung: 51D4GCN00069, đăng ký xe ô tô số 027949 do Phòng cảnh sát giao thông, công an thành phố H Phòng cấp ngày 09/03/2016 mang tên chủ xe là PHẠM VĂN T, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 169029-PVT-2016 ngày 17/03/2016);

- 01 xe tải tự đổ mới 100%, sản xuất tại Việt Nam, màu sơn: Xanh; nhãn hiệu: TRUONG GIANG; số loại: DFM mang biển số: 15C-195.84; số máy: 3E37E3F02540; số khung: 61D4GCC01285, đăng ký xe ô tô số 028007 do Phòng cảnh sát giao thông, công an thành phố H Phòng cấp ngày 10/03/2016 mang tên chủ xe là PHẠM VĂN T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 169029-PVT-2016 ngày 17/03/2016);

- 01 xe tải tự đổ mới 100%, sản xuất tại Việt Nam, màu sơn: Xanh; nhãn hiệu: TRUONG GIANG; số loại: TDGFM mang biển số: 15C-244.87; số máy: 3E37E3G00840; số khung: F1D4HCP00019, đăng ký xe ô tô số 045469 do Phòng cảnh sát giao thông, công an thành phố H Phòng cấp ngày 06/03/2017 mang tên chủ xe là PHẠM VĂN T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03-PVT/2017-HĐTC/NHCT169 ngày 29/03/2017);

- 01 xe tải tự đổ mới 100%, sản xuất tại Việt Nam, màu sơn: Xanh; nhãn hiệu: TRUONG GIANG; mang biển số: 15C-251.71; số máy: 3E37E3G01375; số khung: F1D4HCP00077, đăng ký xe ô tô số 047384 do Phòng cảnh sát giao thông, công an thành phố H Phòng cấp ngày 17/04/2017 mang tên chủ xe là PHẠM VĂN T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05-PVT/2017-HĐTC/NHCT169 ngày 15/05/2017);

- Q sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tổ dân phố Quyết T, thị trấn MĐ, huyện TN, thành phố H Phòng theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 289200, số vào sổ cấp GCN: CH01430 do UBND huyện TN, thành phố H Phòng cấp ngày 13/10/2017 cho bà Nguyễn Thị H (theo Hợp đồng thế chấp tài sản bất động sản số 12-NTH/2017-HĐTC/NHCT169 ngày 22/12/2017);

- Q sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tổ dân phố Quyết T, thị trấn MĐ, huyện TN, thành phố H Phòng theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 289199, số vào sổ cấp GCN: CH01431 do UBND huyện TN, thành phố H Phòng cấp ngày 13/10/2017 cho ông Phạm Văn T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản bất động sản số 12-PVT/2017-HĐTC/NHCT169 ngày 22/12/2017);

- Q sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tổ dân phố Quyết T, thị trấn MĐ, huyện TN, thành phố H Phòng theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 196901, số vào sổ cấp GCN: CH01429 do UBND huyện TN, thành phố H Phòng cấp ngày 13/10/2017 cho ông Phạm Hùng Cường. Ngày 30/07/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TN xác nhận tặng cho ông Phạm Văn T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản bất động sản số 01-PVT/2018-HĐBD/NHCT169 ngày 10/09/2018).

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho người pH thi hành án; nếu còn thiếu thì người

pH thi hành án pH tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng

3. Về án phí: Ngân hàng và ông Phạm Văn T cùng bà Lê Thị Cẩm Q thỏa thuận: Ngân hàng nộp 15.359.000 đồng; Ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Cẩm Q nộp 15.359.000 đồng. Ngân hàng đã nộp số tiền 29.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng, án phí, lệ phí Tòa án số 0002297 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi Cục thi hành án Dân sự huyện TN, thành phố H Phòng. Ngân hàng được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 14.541.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Ninh